

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

Căn cứ Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 18/3/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa Đại An của Công ty cổ phần Đại An (nay là Công ty cổ phần đầu tư Đại An) tại xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hoá (nay là xã Thiệu Trung), tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 249/TTr-SNNMT ngày 09/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện đa khoa Đại An (địa chỉ: Quốc lộ 45, xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Bệnh viện đa khoa Đại An tại xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện đa khoa Đại An.

1.2. Địa điểm hoạt động: Quốc lộ 45, xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh

nghiệp số 2801150297 đăng ký lần đầu ngày 08/5/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/10/2025 do Sở Tài chính cấp.

Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 240/BYT-GPHĐ ngày 13/11/2025 do Bộ Y tế cấp cho Bệnh viện đa khoa Đại An thuộc Công ty cổ phần Đầu tư Đại An.

1.4. Mã số thuế: 2801150297.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh: Khám chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích đất của cơ sở: 25.645,5 m².

- Nhóm dự án: Cơ sở có quy mô tương đương với dự án nhóm B phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, có tổng mức đầu tư 385 tỷ đồng.

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Công suất hoạt động của cơ sở: 474 giường bệnh (theo Quyết định số 219/QĐ-BYT ngày 27/01/2022).

- Quy trình hoạt động của cơ sở: Bệnh nhân đến khám, chữa bệnh → Hướng dẫn làm thủ tục → Khoa khám bệnh → Bệnh nhân nhập viện (điều trị tại các khoa phòng); bệnh nhân không nhập viện → Làm thủ tục xuất viện.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải sau xử lý ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện đa khoa Đại An:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện đa khoa Đại An có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép đối với các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm

thiếu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (Kể từ ngày 03/3/2026 đến ngày 03/3/2036).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND xã Thiệu Trung và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Thiệu Trung;
- Bệnh viện đa khoa Đại An;
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải vệ sinh phát sinh từ khối nhà khám bệnh - điều hành gồm nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện), nước thải tắm rửa, giặt giũ, nước thải y tế (từ khoa xét nghiệm).

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khối nhà điều trị ngoại trú gồm nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện), nước thải tắm rửa, giặt giũ, nước thải y tế (từ khoa chống nhiễm khuẩn, khoa Gây mê - Hồi sức).

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ khối nhà điều trị nội trú gồm nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện), nước thải tắm rửa, giặt giũ.

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ khối nhà Khoa dinh dưỡng + phục hồi chức năng gồm nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện), nước thải tắm rửa, giặt giũ, nước thải nhà bếp.

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ khối nhà khoa Y học cổ truyền gồm nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện), nước thải tắm rửa, giặt giũ.

- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ khối nhà khoa lâm gồm nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện), nước thải tắm rửa, giặt giũ.

- Nguồn số 07: Nước thải phát sinh từ khối nhà khoa giải phẫu bệnh gồm nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện), nước thải tắm rửa, giặt giũ.

- Nguồn số 08: Nước thải phát sinh từ khối nhà thuốc bệnh viện gồm nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện), nước thải rửa tay.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

Cơ sở có 01 dòng nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Sông Nhà Lê đoạn chảy qua bệnh viện tại xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hoá

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiếu 3°): $X = 2196844$ (m); $Y = 571160$ (m)

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải được lắp đặt biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: $178 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (24 giờ).

2.4. Phương thức xả nước thải:

Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn theo cống thoát nước kích thước D600, chiều dài cống 100 m tự chảy (xả mặt) vào sông Nhà Lê.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.6. Chất lượng nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

- Kể từ ngày giấy phép có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2031, dòng nước thải xả ra môi trường phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT (cột B, với hệ số K= 1,0)
1	pH	-	6,5-8,5
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
3	COD	mg/l	100
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20
10	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000
11	Salmonell1	Vi khuẩn/100 ml	KPH
12	Shigella	Vi khuẩn/100 ml	KPH
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100 ml	KPH

- Kể từ ngày 01/01/2032, chất lượng dòng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột C, áp dụng đối với lưu lượng xả thải $F \leq 2000 \text{ m}^3/\text{ngày}$), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động
1	pH	-	6-9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤80		
3	COD	mg/l	≤130		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤120		
5	Sunfua (S ²⁻) (tính theo H ₂ S)	mg/l	≤1,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤12		
7	Tổng N	mg/l	≤60		
8	Tổng P	mg/l	≤10		
9	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤5		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤30		
11	Tổng Coliform	MPN/100 ml	≤5000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn nước thải đưa về hệ thống xử lý.

- *Tuyến số 1:* Nước thải y tế từ khoa chống nhiễm khuẩn, khoa Gây mê- Hồi sức (tầng 5, tầng 6 khối điều trị ngoại trú), khoa xét nghiệm (tầng 2 khối khám bệnh và nhà điều hành) → các đường ống D60, D110 → đường ống thu gom D200 → bể gom chung.

- *Tuyến số 2:* Nước thải từ khối nhà khám bệnh - nhà điều hành, nhà điều trị ngoại trú, nội trú, khối nhà Khoa dinh dưỡng + phục hồi chức năng, nhà khoa y học cổ truyền, nhà khoa lây, nhà khoa giải phẫu bệnh, nhà thuốc bệnh viện gồm:

+ Nước thải tắm rửa, giặt giũ → hố ga → đường ống D200 (L_{D200} = 210 m);

+ Nước thải vệ sinh (Đại tiện, tiểu tiện) → Bể tự hoại → đường ống D110 → đường ống D200 (cùng nước thải tắm rửa, giặt giũ);

+ Nước thải từ nhà bếp khoa dinh dưỡng → bể tách dầu mỡ → đường ống D110 ($L_{D110} = 40 \text{ m}$) → đường ống D200 (cùng nước thải tắm rửa, giặt giũ) → bể gom chung.

Toàn bộ nước thải từ bể gom chung ($V = 22,0 \text{ m}^3$) được bơm tự động theo đường ống HDPE- D63 vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ.

- 11 bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ nước thải từ các nhà vệ sinh gồm: 02 bể thể tích 10 m^3 /bể tại nhà khám bệnh và nhà điều hành; 02 bể thể tích 10 m^3 /bể tại nhà điều trị ngoại trú; 02 bể thể tích 10 m^3 /bể tại nhà điều trị nội trú; 01 bể thể tích $8,0 \text{ m}^3$ /bể tại nhà dinh dưỡng; 01 bể thể tích $8,0 \text{ m}^3$ tại nhà khoa chống nhiễm khuẩn; 01 bể thể tích $6,0 \text{ m}^3$ tại khoa lây; 01 bể thể tích $5,0 \text{ m}^3$ tại nhà khoa giải phẫu bệnh; 01 bể thể tích $3,0 \text{ m}^3$ tại nhà thuốc.

- 01 bể tách dầu mỡ thể tích $7,2 \text{ m}^3$.

- 01 bể gom chung thể tích 22 m^3 .

1.2.2. Trạm xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bể phản ứng keo tụ + lắng hóa lý → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Cống thoát nước (kích thước D600, chiều dài cống 100 m) → sông nhà Lê đoạn chảy qua bệnh viện.

- Công suất thiết kế: $200 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, PAC, Polymer, Javen (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc tự động đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương rãnh thu gom nước thải, hố ga, bể tự hoại, các bể thuộc hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tần suất nạo vét:

+ Mương rãnh, hố ga: 03 tháng/lần.

+ Hút bùn cặn trong các bể xử lý: Bể tự hoại, bể thu gom; bể chứa bùn (1 lần/năm).

- Thường xuyên kiểm tra các đường ống thu gom nước thải để phát hiện tình trạng hư hỏng, rò rỉ hoặc tắc nghẽn và kịp thời sửa chữa, thay thế.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện, cụ thể:

+ Tại hố ga: Hàng ngày kiểm tra các song chắn rác để tránh tình trạng rác bám vào song chắn rác quá nhiều gây tắc nghẽn nước vào hệ thống.

+ Bể khử trùng: Thường xuyên kiểm tra các thiết bị điều chế hóa chất khử trùng, máy khuấy, hóa chất để đảm bảo các thiết bị khử trùng vẫn hoạt động tốt.

+ Định kỳ kiểm tra đường ống, van khóa như: Độ kín, hở của van khóa, khả năng đóng mở của van khóa; hiện tượng rò rỉ đường ống,...

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố lớn, thời gian sửa chữa kéo dài, Bệnh viện thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Đối với nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung có các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn cho phép chảy ra nguồn tiếp nhận nước thải, Bệnh viện hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 03/2026 đến tháng 06/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống XLNT công suất 200 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 Mẫu nước thải đầu vào của Hệ thống XLNT tại bể thu gom chung.

- 01 Mẫu nước thải đầu ra của Hệ thống XLNT sau bể khử trùng.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại mục 2.6, Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Bệnh viện đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.6, Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra và lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành của Trạm xử lý nước thải tập trung (ghi rõ số chỉ đồng hồ hàng ngày, hóa chất sử dụng, thời điểm sửa chữa, thay thế đồng hồ (nếu có)...); lắp đặt đầy đủ biển báo, ký hiệu chỉ dẫn đối với điểm xả thải nước thải sau Hệ thống XLNT tập trung ra môi trường.

3.4. Báo cáo cơ quan cấp Giấy phép môi trường (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) về kế hoạch vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.5. Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐCP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

3.6. Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải về cơ quan cấp Giấy phép môi trường (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) theo quy định khoản 11 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.6, Phần A của Phụ lục này và ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện biện pháp khắc phục.

PHỤ LỤC 2
BẢO ĐẢM CÁC GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường cụ thể như sau:

- Kể từ ngày giấy phép có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026, Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

- Kể từ ngày 01/01/2027, Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

TT	Khoảng thời gian			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày Từ 6h00 đến 18h00	Tối Từ 18h00 đến trước 22h00	Đêm 22h00 đến trước 06h00	Không thực hiện	
1	50	45	40	-	Khu vực A

+ Độ rung:

TT	Khoảng thời gian		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	Ngày (6h00 đến trước 22h00)	Đêm 22h00 đến trước 6h00)	Không thực hiện	Khu vực A
	60	55		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bệnh viện quy định giờ vào thăm bệnh nhân (cụ thể: Sáng từ 5h00 - 7h00; trưa từ 11h30 - 13h00, chiều từ 17h00 - 21h30).

- Có các bảng nội quy yêu cầu y bác sỹ, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và khách đến thăm đi nhẹ, nói khẽ.

- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị để đảm bảo thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt, tránh gây tiếng ồn.

- Trong khuôn viên của bệnh viện được trồng cây xanh, bồn hoa, cây cảnh không những tăng tính thẩm mỹ cho khu vực bệnh viện, tạo cảm giác dịu êm mà còn có tác dụng rất lớn trong việc hút bụi, lọc không khí, giảm và ngăn chặn tiếng ồn, giảm bức xạ nhiệt.

- Đối với tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng:

+ Máy phát điện dự phòng được lắp đặt cách xa khu vực khám chữa bệnh của bệnh viện và được đặt trong phòng kín.

+ Để máy phát điện dự phòng được lắp đặt đệm lót bằng cao su để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

+ Định kỳ bảo dưỡng máy phát điện theo quy định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh tại cơ sở:

1.1. Khối lượng, danh mục, mã chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
I	Chất thải y tế nguy hại		
1	Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn	13 01 01	144
2	Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn	13 01 01	4.573
3	Chất thải lây nhiễm (không bao gồm chất thải sắc nhọn và không sắc nhọn)	13 01 01	365
4	Chất thải giải phẫu	13 01 01	438
II	Chất thải nguy hại khác		
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	02
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 03	03
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại (can nhựa đựng hóa chất)	18 01 03	08
4	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	06
5	Pin, ắc quy thải	16 01 12	01
6	Dược phẩm không có thành phần gây độc tế bào thải	13 01 07	05
Tổng khối lượng			5.545

1.2. Chất thải nguy hại phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	06 05 02	800

- Phương thức quản lý: Bệnh viện hợp đồng với đơn vị có chức năng phân tích hàm lượng chất thải nếu vượt quy chuẩn về CTNH, hợp đồng xử lý theo CTNH, nếu không vượt, xử lý như chất thải thông thường. Nếu không thực hiện phân tích thì xử lý như chất thải nguy hại.

1.3. Khối lượng, danh mục chất thải rắn thông thường (phát sinh từ sinh hoạt và hoạt động khám chữa bệnh).

STT	Tên chất thải	Đơn vị	Khối lượng tấn/năm
1	Chất thải rắn sinh hoạt	Tấn	54,75
2	Chất thải rắn y tế thông thường	Tấn	10,95
Tổng			65,7

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

TT	Loại thiết bị/công trình	Thể tích/ diện tích	Số lượng
1	Thùng chứa chất thải lây nhiễm 15 lít	15 lít	13
2	Thùng chứa chất thải lây nhiễm 240 lít	240 lít	01
3	Hộp chứa chất thải lây nhiễm 3,0 lít	3,0 lít	20
4	Hộp chứa chất thải lây nhiễm 20 lít	20 lít	05
5	Thùng chứa chất thải không lây nhiễm 240 lít	240 lít	01
6	Tủ chứa chất thải giải phẫu 280 lít	280 lít	01

2.1.2. Khu vực lưu chứa

- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 60 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Kho lưu chứa được chia làm 2 ngăn một ngăn chứa chất thải nguy hại và một ngăn chứa chất thải y tế có thể tái chế. Mỗi ngăn bố trí thiết bị lưu giữ chất thải riêng biệt, có dán nhãn mã CTNH.

Khu lưu chứa chất thải nguy hại có mái tôn, tường tôn bao xung quanh, nền bê tông chống thấm, có rãnh và hố thu gom CTNH dạng lồng phòng cho sự cố khi thùng chứa, bao bì chứa bị rò rỉ, thùng vỡ; phía bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định; trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

- Khu lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

TT	Loại thiết bị/công trình	Thể tích	Số lượng
1	Chất thải sinh hoạt	15 lít, 120 lít 180 lít, 240 lít	60 thùng 15 lít, 22 thùng 120 lít, 03 thùng 180 lít, 01 thùng 240 lít
2	Chất thải rắn TT có thể tái chế	240 lít	05

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Toàn bộ lượng chất thải rắn thông thường không thể tái chế được thu gom về khu tập kết rác thải sinh hoạt có diện tích 58m². Chất thải rắn thông thường có thể tái chế được bố trí ngăn riêng trong kho chứa chất thải y tế, chất thải nguy hại có diện tích 60 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: có mái tôn, tường bao quanh xây gạch cao 1,2 m, nền xi măng.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

PHỤ LỤC 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐẠI AN TIẾP TỤC THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, y tế thông thường và nguy hại đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm môi trường.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do bụi, khí thải, cụ thể như sau:

- Lắp đặt hệ thống các chụp hút, tủ hút, máy hút ẩm... tại các khoa kết hợp với các biện pháp thông gió tự nhiên và thông gió cưỡng bức (bố trí máy điều hòa, quạt gió làm mát).

- Đảm bảo tỷ lệ cây xanh để điều hòa vi khí hậu cho bệnh viện.

- Đảm bảo bố trí máy phát điện cách xa các tòa nhà khám chữa bệnh và sử dụng nhiên liệu sạch đạt tiêu chuẩn.

- Kiểm soát hoạt động của Hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

8. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của bệnh viện. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này.